

Số: 2168/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống  
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

**UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 994/TTr-TNMT ngày 18/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Chảo Văn Tường- Cư trú tại bản Cánh Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 159.767.659 đồng.

*(Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng).*

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)*



2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Chảo Văn Tường có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**

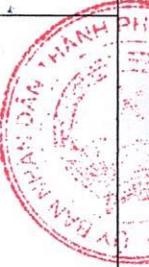


**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

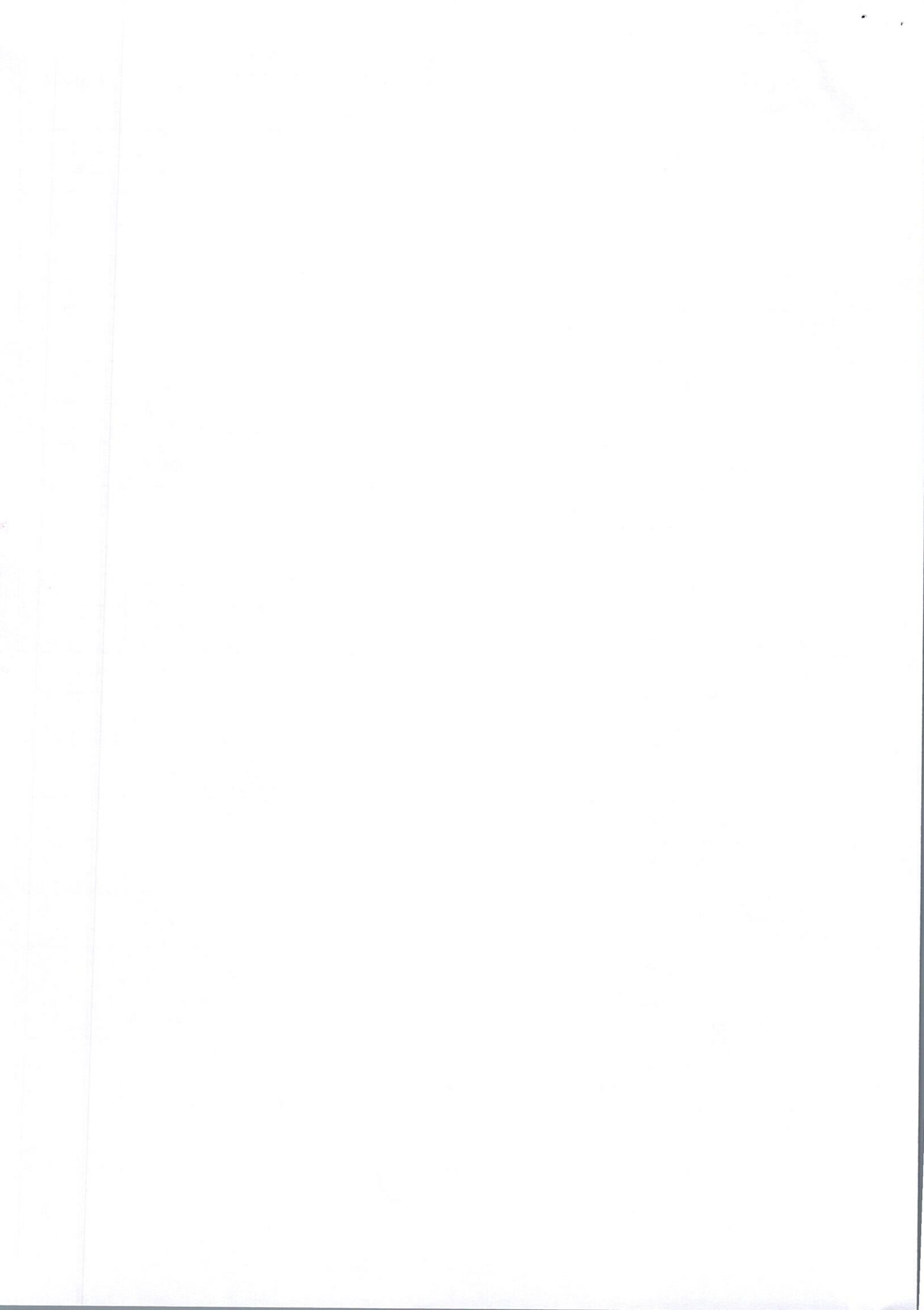
(Kèm theo Quyết định số: ~~248~~ 8/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
<b>6</b>	<b>Hộ gia đình ông Chảo Văn Tường</b>					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				<b>159.767.659</b>	
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>25.391.400</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	691,0			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	603,2	37.000	22.318.400	
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	87,8	35.000	3.073.000	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	<p>Nguồn gốc: Thửa đất số 127; 128; 130; 171; 172; 173 tờ bản đồ 120 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 467 257 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 12/5/2012. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.</p> <p>+ Thửa đất số 742 chồng lấn thửa 725, loại đất DTL, do UBND xã quản lý là do sai số trong quá trình đo đạc, thực tế hộ ông Tường đang sử dụng, loại đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác, có cùng nguồn gốc với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p> <p>+ Thửa đất số 743 chồng lấn thửa 725, loại đất DTL do UBND xã quản lý là do sai số trong quá trình đo đạc. Ông Tường đào ao nuôi cá năm 2011, chưa chuyển mục đích sử dụng theo quy định, theo hồ sơ địa chính là đất LUK, do vậy thống nhất quy về loại đất theo hồ sơ địa chính đất lúa (LUK).</p> <p>+ Thửa đất số 747 chồng lấn thửa 725, loại đất DTL, do UBND xã quản lý là do sai số trong quá trình đo đạc, thực tế hộ ông Tường đang sử dụng, loại đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác, có cùng nguồn gốc với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p> <p>+ Thửa đất số 745, 748 chồng lấn thửa 725, loại đất DTL do UBND xã quản lý là do sai số trong quá trình đo đạc, thực tế hộ ông Tường đang sử dụng, loại đất: LUK, có cùng nguồn gốc với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p>					
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc</b>				<b>15.858.959</b>	
<b>b1</b>	<b>Tài sản tạo lập năm 2008 phục vụ sản xuất nông nghiệp, dùng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (bồi thường bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</b>					
1	Hào đào thủ công (6*1*0,6)	m <sup>3</sup>	3,6	82.500	297.000	
2	Kè đá xếp khan (0,8*8*0,6)	m <sup>3</sup>	3,8	141.900	544.896	
3	Kè đá xếp khan (15*0,6*1,5) kè giữ đất	m <sup>3</sup>	13,5	141.900	1.915.650	





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
4	Kè đá xếp khan (1,5*0,6*25) kè suối	m <sup>3</sup>	22,5	141.900	3.192.750	
<b>b2</b>	<i>Tài sản tạo lập năm 2011 phục vụ sản xuất nông nghiệp, không đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>					
5	Ao đào không phân biệt cấp đất (1,5*182.5 m <sup>2</sup> )	m <sup>3</sup>	273,8	29.150	7.979.813	
6	Cống cuốn BT Φ 100-300	m	12,0	72.050	864.600	
7	Kè đá xếp khan (1,5*0,5*20)	m <sup>3</sup>	15,0	70.950	1.064.250	
<b>c</b>	<b>Cây trồng, vật nuôi</b>				<b>20.024.700</b>	
<b>c1</b>	<i>Phân gia đình sử dụng đúng mục đích sử dụng đất (bồi thường bằng 100% theo Điều 14 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>					
1	Cây chuối cao trên 1,2m	Cây	30,0	24.000	720.000	
2	Cây bưởi bán kính phát tán từ 2-4 m (trồng giáp bờ suối)	Cây	1,0	480.000	480.000	
3	Cây lầy gỗ D=5-10 cm	Cây	10,0	30.000	300.000	
4	Sa nhân (tính bằng cây được liệu khác cho thu hoạch trồng trên bờ ruộng)	m <sup>2</sup>	5,0	54.000	270.000	
5	Sản lượng lúa 400m*5,6 tấn/ha/năm	kg	224,0	9.000	2.016.000	
<b>c2</b>	<i>Phân gia đình tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sai mục đích sử dụng đất, chuyển đổi không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 5 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>					
6	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 182,5 m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	kg	54,8	30.000	1.642.500	
7	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 1.621,8 m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	kg	486,5	30.000	14.596.200	
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>98.492.600</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	87,8	105.000	9.219.000	





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Phương án thẩm định		Ghi chú
				Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	603,2	148.000	89.273.600	



